

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 22NS/QNS/2022

**SỮA CHUA UÔNG TỪ THỰC
VẬT VEYO YOGURT
– VỊ CAM YUZU**

2022



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 22NS/QNS/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI - QNS.**

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0255 3726110 – 0255 3726616.

Fax: 0255 3822843.

E-mail: info@qns.com.vn; info@vinasoy.com.

Mã số doanh nghiệp: 4300205943.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: SỮA CHUA UỐNG TỪ THỰC VẬT VEYO YOGURT – VỊ CAM YUZU

2. Thành phần:

- Nước, sữa chua lên men tự nhiên từ hạt thực vật (40%) (nước, đường, đậu nành, hạnh nhân, dẻ cười, mắc ca, óc chó, men thuần chay (*Streptococcus thermophilus* và *Lactobacillus bulgaricus*)), đường, xirô fructoza, bột kem thực vật, chất ổn định (466, 418, 500(ii)), nước ép chanh, hương Cam Yuzu giống tự nhiên và hương liệu tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chiết xuất trái dành dành.
- Có chứa đậu nành và các loại hạt (tree nuts).
- Sử dụng 100% hạt thực vật không biến đổi gen (Non-GMO).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 08 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì giấy Tetra Pak bên trong là lớp nhựa PE chuyên dùng, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

4.2 Quy cách bao gói:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp ở dạng rời hoặc được tạo thành dạng lốc trước khi xếp vào thùng carton.
- Sản phẩm được chiết rót với thể tích thực: 180 ml/hộp (bịch).
- Ngoài ra có thể đóng gói với các loại thể tích khác theo yêu cầu của khách hàng.
(Định lượng phù hợp với quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam.

Sản phẩm của Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi - QNS. Sản xuất tại các Nhà máy:

- Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy (ký hiệu A) - Số 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh (ký hiệu B) - Đường TS5, KCN Tiên Sơn, P. Đồng Nguyên, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bình Dương (ký hiệu C) - Số 15, đường số 31, KCN VSIP II-A, Phường Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Các nhà máy sản xuất của Vinasoy đã được chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm theo FSSC 22000 và HACCP Codex.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

2. Thông tư, Quyết định của các Bộ, ngành:

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: TCCS 22:2022/NS-QNS

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 3 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN *ml/tehe*



Đỗ Thành Đăng



VN_S902_10_T0083C_S902_20_T0053C
 S902_30_T0044C_S902_40_T0097C
 S902_50_P7400C_S902_60_P7731C

VEYO YOGURT
VỊ CAM YUZU

vinasoy

VEYO
YOGURT
 SỮA CHUA UỐNG TỪ THỰC VẬT

LEN MEN TỰ NHIÊN TỪ SỮA 5 LOẠI HẠT
VỊ CAM YUZU

Thể tích thực: 180 ml

OSH XSN

DINH DƯỠNG VÀNG
 TỪ THỰC VẬT

- Không Lactose
- Không Cholesterol
- Không biến đổi gen
- Ít chất béo bão hòa
- 100% đậm từ thực vật

Lên men từ 100% sữa hạt

Thành thị 4 thành phố chính và nông thôn Việt Nam - từ 2018 đến 2020 - Ngành sản thực vật

SAU KHI UỐNG:

Bước 1: Ấn đong hút vào hộp rỗng.

Bước 2: Mờ tai gấp, gấp bẹp hộp.

CHỈ TỪ DINH DƯỠNG THƯỜNG DINH THƯỜNG (100 ml)

Năng lượng	62,7 kcal
Chất đạm	1,2 g
Chất béo	1,1 g
- Chất béo bão hòa	0,4 g
Carbohydrate	12,0 g
Lactose	0 g
Cholesterol	0 mg

Thành phần: Nước, sữa chua lên men từ nhiên từ hạt thực vật (40%) (nước, đường, dầu nành, hạnh nhân, óc chó, mắc ca, óc chó, men thuần chay (*Streptococcus thermophilus* và *Lactobacillus bulgaricus*), đường, xiro fructose, bột kem thực vật, chất ổn định (466, 418, 500(v)), nước ép chanh, hương Cam Yuzu giống tự nhiên và hương liệu từ nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất xuất trái dứa dứa).
 Có chứa dầu nành và các loại hạt (free nuts).

Thông tin chi tiết xem tại www.vinasoy.com

Điện thoại liên hệ: 18006020

Sản xuất tại Việt Nam
 Sản phẩm của:
 Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy
 CN Công ty CP Đường Quảng Ngãi
 02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú,
 TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
 CBSP số: 22NS/QNS/2022
 ĐT: (084-255) 3719719 | Fax: (084-255) 3810391

vinasoy

VEYO
YOGURT

Sữa chua uống 100% từ thực vật đầu tiên tại Việt Nam.

Được lên men tự nhiên từ 100% sữa 5 loại hạt giàu dinh dưỡng: Mắc ca, Óc chó, Hạnh nhân, Dẻ cười, Đậu nành.

VEYO Yogurt mang đến cho bạn trải nghiệm hương vị thơm ngon mới lạ: vị chua chua ngọt thanh, vị béo từ hạt hoa quỳ cùng với hương vị trái cây thanh mát **Nhật Bản**, mang đến cho bạn nguồn năng lượng xanh, tươi trẻ mỗi ngày.

Theo dấu hiệu của Kantar từ *Worldpanel Duesen-Household Panel*

Hạng mục: Bao bì TPA 180 ml VEYO YOGURT vị Cam Yuzu

Ngày thực hiện : 08/02/2022

Mã số TK: VY22H-080122

TỔNG GIÁM ĐỐC

Wõ Thành Dàng

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2021-00115581
 Mã số kết quả : AR-22-VD-006226-01-VI / EUVNHC-00154526



NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ
 TP. QUẢNG NGÃI
 T. QUẢNG NGÃI
 Việt Nam



Mã số mẫu do khách hàng thiết lập : SCU vị cam (CLT ĐC)
 Tên mẫu : SỮA CHUA UỐNG TỪ THỰC VẬT VEYO YOGURT - VỊ CAM YUZU
 Tình trạng mẫu : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
 Ngày nhận mẫu : 16/12/2021
 Thời gian thử nghiệm : 17/12/2021 - 22/12/2021
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 23/12/2021
 Mã số PO của khách hàng : J8SF211216178

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD0G4 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ ml	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD344 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ ml	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
3	VD0G7 VD (a)(d) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
4	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=1)
6	VD385 VD (a) Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=1)
7	VD0GA VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	EVN-R-RD-3-TP-3744 (2021) (Ref. ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
8	VD0G8 VD <i>Faecal Streptococci (enterococci)</i>	cfu/ ml	Ref TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000)	Không phát hiện (LOD=1)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vy
 Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



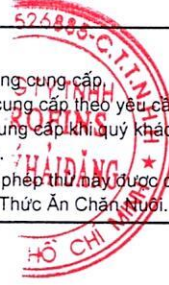
Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vy 18/01/2022


KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2021-00115584	
Mã số kết quả :	AR-22-VD-006229-01-VI / EUVNHC-00154526	

NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
 02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ
 TP. QUẢNG NGÃI
 T. QUẢNG NGÃI
 Việt Nam

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :	SCU vị cam (CLT ĐC)
Tên mẫu :	SỮA CHUA UỐNG TỪ THỰC VẬT VEYO YOGURT - VỊ CAM YUZU
Tình trạng mẫu :	Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu :	16/12/2021
Thời gian thử nghiệm :	17/12/2021 - 17/12/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	23/12/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211216178

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD020 VD (a) Melamine	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích




Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vi 18/01/2022

Ghi chú giải thích
 Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2021-00115583	
Mã số kết quả :	AR-22-VD-006228-01-VI / EUVNHC-00154526	

NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI	
02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ	
TP. QUẢNG NGÃI	
T. QUẢNG NGÃI	
Việt Nam	

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :	SCU vị cam (CLT ĐC)
Tên mẫu :	SỮA CHUA UỐNG TỪ THỰC VẬT VEYO YOGURT - VỊ CAM YUZU
Tình trạng mẫu :	Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu :	16/12/2021
Thời gian thử nghiệm :	17/12/2021 - 19/12/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	23/12/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211216178

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
2	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
3	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)


LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

<p>Ký tên</p>  <p>Nguyễn Thị Phương Vi Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích</p>	 <p>Lý Hoàng Hải Tổng Giám Đốc</p>
--	--

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 18/01/2022

<p>Ghi chú giải thích</p> <p>Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng xây dựng. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.</p>

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2021-00115582	
Mã số kết quả :	AR-22-VD-006227-01-VI / EUVNHC-00154526	

NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
 02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ
 TP. QUẢNG NGÃI
 T. QUẢNG NGÃI
 Việt Nam

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :	SCU vị cam (CLT ĐC)
Tên mẫu :	SỮA CHUA UỐNG TỪ THỰC VẬT VEYO YOGURT - VỊ CAM YUZU
Tình trạng mẫu :	Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu :	16/12/2021
Thời gian thử nghiệm :	17/12/2021 - 18/12/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	23/12/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211216178

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD909 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.006)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích




Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 18/01/2022

Ghi chú giải thích
 Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Mã số mẫu :	743-2021-00116008	
Mã số kết quả :	AR-22-VD-002428-01-VI / EUVNHC-00154615	

NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI	
02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ	
TP. QUẢNG NGÃI	
T. QUẢNG NGÃI	
Việt Nam	

Tên mẫu :	SỮA CHUA UỐNG TỪ THỰC VẬT VEYO YOGURT – VỊ CAM YUZU
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu :	16/12/2021
Thời gian thử nghiệm :	17/12/2021 - 22/12/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	23/12/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211216183

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD30B VD (a) Natri benzoat	mg/ kg	ISO 22855:2008 mod	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD2C7 VD Benzoic acid	mg/ kg	ISO 22855:2008 mod	Không phát hiện (LOD=10)


LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên			
	Nguyễn Thị Phượng Vi Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích		Lý Hoàng Hải Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vi 10/01/2022

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

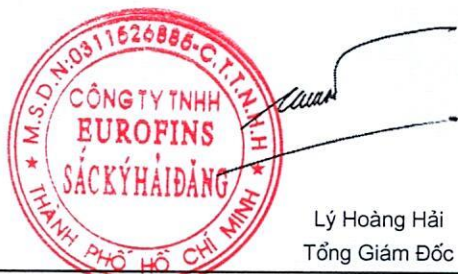
Mã số mẫu :	743-2021-00116009	
Mã số kết quả :	AR-22-VD-002429-01-VI / EUVNHC-00154615	

NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI	
02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ	
TP. QUẢNG NGÃI	
T. QUẢNG NGÃI	
Việt Nam	

Tên mẫu :	SỮA CHUA UỐNG TỪ THỰC VẬT VEYO YOGURT – VỊ CAM YUZU
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu :	16/12/2021
Thời gian thử nghiệm :	17/12/2021 - 18/12/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	23/12/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211216183

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD292 VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/l	TCVN 6641:2000 (ISO 5522:1981)	Không phát hiện (LOD=3)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên	
 Nguyễn Thị Phượng Vi Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích	 Lý Hoàng Hải Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vi 10/01/2022

Ghi chú giải thích
 Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2021-00116010
 Mã số kết quả : AR-22-VD-002430-01-VI / EUVNHC-00154615



NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ
 TP. QUẢNG NGÃI
 T. QUẢNG NGÃI
 Việt Nam

Tên mẫu : SỮA CHUA UỐNG TỪ THỰC VẬT VEYO YOGURT – VỊ CAM YUZU
 Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
 Ngày nhận mẫu : 16/12/2021
 Thời gian thử nghiệm : 17/12/2021 - 23/12/2021
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 23/12/2021
 Mã số PO của khách hàng : J8SF211216183

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD1VA VD Diquat	mg/ kg	EN 15662:2018 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD1YC VD Captan	mg/ kg	EN 15662:2018 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
3	VDN9M VD (a) Glufosinat-amoni	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
5	VD3JV VD (a) Phosalone	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
6	VD6X1 VD (a) Dithiocarbamat (quy về CS2)	mg/ kg	EN 12396-2:1998 (Ref TCVN 8169-2:2009)	Không phát hiện (LOD=0.05)
7	VD3AR VD (a) 2,4-D	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11851 (Ref. EURL-SMR: QuPpe PO Method & EURL-SMR: QuPpe AO Method)	Không phát hiện (LOD=0.003)
8	VD42T VD (a) Abamectin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
9	VD3CH VD (a) Acephat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
10	VD3CM VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
11	VD3P3 VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
12	VD3FT VD (a) Azoxystrobin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
13	VD3ET VD (a) Bentazon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
14	VD3FU VD (a) Benzovindiflupyr	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VD3CB VD (a) Boscalid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
16	VD3DS VD (a) Buprofezin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
17	VD3CI VD (a) Carbaryl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
18	VD3CJ VD (a) Carbendazim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
19	VD3CU VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
20	VD3F2 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
21	VD3C7 VD (a) Chlordan	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0005)
22	VD3X5 VD (a) Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
23	VD3FS VD (a) Clethodim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
24	VD3CK VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
25	VD3CZ VD (a) Cycloxydim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
26	VD3A4 VD (a) Cyfluthrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD3BR VD (a) Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD42S VD (a) Cypermethrins (Gồm alpha & zeta - Cypermethrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD3DF VD (a) Cyproconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
30	VD3EP VD (a) Cyprodinil	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0001)
31	VD3BT VD (a) Deltamethrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
32	VD3CL VD (a) Diazinon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
33	VD42W VD (a) Dicamba	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
34	VD3D0 VD (a) Difenoconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
35	VD3EW VD (a) Dimethenamid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
36	VD3EU VD (a) Dithianon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
37	VD3A7 VD (a) Endosulfan	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
38	VD3DI VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
39	VD3EE VD (a) Fenbutatin oxid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
40	VD3FC VD (a) Fenhexamid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
41	VD3D2 VD (a) Fenitrothion	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
42	VD3BU VD (a) Fenpropathrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
43	VD3E1 VD (a) Fludioxonil	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
44	VD3DA VD (a) Flusilazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
45	VD3LS VD (a) Flutriafol	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
46	VD3FD VD (a) Fluxapyroxad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
47	VD3EH VD (a) Haloxyfop	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
48	VD3CQ VD (a) Imazamox	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
49	VD3FJ VD (a) Imazapic	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
50	VD3EN VD (a) Indoxacarb	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
51	VD3WR VD (a) Iprodione	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
52	VD3C9 VD (a) Isoxaflutole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
53	VD3EV VD (a) Mesotrione	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
54	VD3S2 VD Metalaxyl/Metalaxyl-M (tổng)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
55	VD3DB VD (a) Methamidophos	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
56	VD3DD VD (a) Methidathion	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
57	VD3D3 VD (a) Methomyl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
58	VD3CT VD (a) Novaluron	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
59	VD3BH VD (a) Penthiopyrad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
60	VD3BV VD (a) Permethrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
61	VD3D5 VD (a) Phorate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
62	VD3EK VD (a) Propargit	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
63	VD3F7 VD (a) Propiconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
64	VD3FZ VD (a) Prothioconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
65	VD3CS VD (a) Pyraclostrobin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
66	VD3E6 VD (a) Pyrimethanil	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
67	VD3XG VD (a) Quintozene	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
68	VD42R VD (a) Spinosad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
69	VD3FK VD (a) Spirotetramate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
70	VD3FP VD (a) Sulfoxaflor	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
71	VD3CF VD (a) Tebuconazol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
72	VD3D8 VD (a) Tebufenozid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
73	VD3BM VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
74	VD18R VD (a) Ethephon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3449 (Ref. QuPPE-Method)	Không phát hiện (LOD=0.005)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vĩ 10/01/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

